

**ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC**

**BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 03/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**

Thời gian: 15h00 * Ngày thi: 29/03/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	27203349833	Hồ Thị Vân	Anh	21/12/2003	Hà Tĩnh	30THT16	6.0	5.5	Đạt	
2	28204752487	Lê Trúc	Anh	11/08/2004	Đắk Lắk	31SBN9	8.7	8.3	Đạt	
3	28214306978	Nguyễn Văn Quốc	Bảo	26/05/2004	Hội An	31SBN9	9.3	6.8	Đạt	
4	28204601457	Nguyễn Thị Thanh	Bình	13/12/2004	Quảng Nam	31TYC13	6.0	6.0	Đạt	
5	28206706940	Hoàng Phúc Bảo	Châu	14/10/2004	Quảng Bình	31TSC9	9.7	5.5	Đạt	
6	28219439711	Nguyễn Thê	Đại	13/07/2004	Đắk Lắk	31SBN9	9.3	7.0	Đạt	
7	27218201072	Trần Lê Thanh	Đại	07/11/2003	Đà Nẵng	31SBN9	8.7	6.8	Đạt	
8	26203318409	Nguyễn Thị Phương	Diễm	29/12/2002	Đà Nẵng	31THT8	8.7	5.0	Đạt	
9	28209328011	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	05/09/2003	Phú Yên	31THT9	7.7	5.0	Đạt	
10	29206560987	Lê Thị Mỹ	Duyên	09/06/2005	Quảng Nam	31TBN16	10.0	5.0	Đạt	
11	28206653591	Trương Thị Thùy	Giang	15/05/2004	Quảng Trị	31SBN9	9.7	8.8	Đạt	
12	29206562275	Từ Thị Trà	Giang	11/03/2005	Đà Nẵng	31TBN16	10.0	6.0	Đạt	
13	26202233051	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	11/09/2002	Quảng Trị	31TBN16	6.3	6.0	Đạt	
14	28212320013	Đặng Sơn	Hải	27/08/2004	Quảng Trị	31TBN16	7.7	5.0	Đạt	
15	28208140690	Trần Thị Phương	Hiền	18/02/2004	Đà Nẵng	31SBN9	9.7	6.0	Đạt	
16	28211106392	Trần Văn	Hiệp	06/05/2004	Đắk Lắk	31TBN16	10.0	5.5	Đạt	
17	29206558281	Nguyễn Thị Minh	Hoa	05/09/2005	Quảng Nam	31TBN16	8.7	3.3	Không Đạt	
18	29207154865	Huỳnh Thị Thanh	Hòa	07/03/2005	Kon Tum	31TBN16	V	V	Không Đạt	
19	28214606048	Võ Đình Khánh	Huân	20/01/2004	Quảng Nam	31SBN9	6.0	5.5	Đạt	
20	28206202885	Phạm Thị Mỹ	Hương	22/08/2004	Hội An	31SBN9	9.7	7.5	Đạt	
21	28205124353	Trần Thị Lê	Hương	04/05/2004	Đà Nẵng	31THT11	7.7	5.0	Đạt	
22	28204603877	Lê Nhi	Huyền	29/03/2004	Quảng Bình	31CYC9	5.0	4.0	Không Đạt	
23	28214354452	Đàm Nguyễn	Khánh	27/01/2004	Quảng Trị	31SBN9	7.7	7.3	Đạt	
24	28212303032	Trịnh Việt	Lào	06/08/2004	Quảng Nam	31SBN9	10.0	8.5	Đạt	
25	28205147486	Lê Thị Ngọc	Linh	01/10/2004	Gia Lai	31SBN7	7.3	6.5	Đạt	
26	29206556054	Lê Thị Thùy	Linh	20/08/2005	Quảng Nam	31TBN16	V	V	Không Đạt	
27	28204303298	Nguyễn Thị Nhật	Linh	19/09/2004	Đắk Lắk	31THT17	8.7	5.5	Đạt	
28	28217252100	Phan Thanh	Luân	10/03/2004	Bình Định	31TBN16	9.0	5.3	Đạt	
29	28205205446	Nguyễn Ngọc Dạ	Ly	10/06/2004	Đà Nẵng	31CYC7	7.0	4.0	Không Đạt	
30	28208122211	Trần Nguyễn Nhật	My	01/05/2004	Đà Nẵng	31SBN9	8.0	4.5	Không Đạt	
31	28204903131	Nguyễn Thị	Na	07/12/2004	Quảng Trị	31TBN16	10.0	6.5	Đạt	
32	29204635394	Bùi Thanh	Ngân	24/10/2005	Đắk Lắk	31TSC13	V	V	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
33	28219405547	Nguyễn Thế Phúc	Nghĩa	14/09/2004	Nghệ An	30CSC6	6.7	6.0	Đạt	
34	28206203484	Ksor	Ngoại	18/01/2004	Gia Lai	31TSC11	9.3	5.0	Đạt	
35	28204523883	Đoàn Thị Kim	Ngọc	12/03/2004	Đà Nẵng	31SBN9	7.7	5.6	Đạt	
36	28207454304	Nguyễn Ngọc Khánh	Nhân	04/10/2004	Đà Nẵng	31SBN9	7.0	6.0	Đạt	
37	28218143216	Phạm Đình	Nhật	01/04/2004	Quảng Nam	31TBN13	10.0	7.5	Đạt	
38	28207252168	Đặng Vũ Quỳnh	Nhi	03/12/2004	Quảng Ngãi	31TBN16	9.3	6.0	Đạt	
39	28204905341	Huỳnh Thị Yến	Nhi	15/12/2004	Quảng Nam	31SBN9	8.7	6.3	Đạt	
40	28208103603	Lê Ngô Hạ	Như	23/05/2004	Đắk Lắk	31SBN9	8.3	9.3	Đạt	
41	28208254001	Lê Thị Quỳnh	Như	09/06/2004	Quảng Nam	31SBN9	9.7	6.0	Đạt	
42	28208005201	Phan Nguyễn Quỳnh	Như	29/04/2004	Đà Nẵng	31SSC6	6.0	4.3	Không Đạt	
43	28206502292	Bùi Thị Hồng	Nhung	24/06/2004	Huế	31TBN16	6.7	6.0	Đạt	
44	28208154763	Huỳnh Thị Mỹ	Nhung	29/08/2004	Bình Định	31SBN9	4.7	V	Không Đạt	
45	29206520288	Phạm Hồng	Nhung	14/09/2005	Quảng Ngãi	31TBN16	10.0	5.3	Đạt	
46	28204603346	Đỗ Thị Trinh	Nữ	02/07/2004	Quảng Nam	31SYC2	7.3	5.0	Đạt	
47	29206549250	Nguyễn Thị Kim	Oanh	13/07/2005	Quảng Ngãi	31TBN16	9.0	5.0	Đạt	
48	29206660699	Đặng Thị Diễm	Phương	01/01/2005	Quảng Nam	31CHT8	8.3	3.8	Không Đạt	
49	29204900055	Lê Thị Xuân	Phương	31/05/2005	Khánh Hòa	31SBN9	5.3	5.3	Đạt	
50	28206551718	Trần Thị Kim	Phượng	19/11/2004	Quảng Ngãi	31CHT7	8.7	6.0	Đạt	
51	28213350359	Đỗ Huy	Quang	31/10/2004	Thanh Hóa	31TBN16	V	V	Không Đạt	
52	28212300463	Lý Xuân	Son	31/10/2004	Quảng Nam	31SBN9	9.3	8.5	Đạt	
53	26215430245	Lê Đức Anh	Tài	20/03/2002	Quảng Trị	31SBN9	8.0	8.5	Đạt	
54	28204136446	Nguyễn Nhân	Tâm	22/06/2004	Quảng Nam	31TBN11	7.0	5.3	Đạt	
55	28214741629	Trần Thiện	Tâm	20/09/2004	Quảng Nam	31THT4	7.0	4.3	Không Đạt	
56	28214134979	Nguyễn Tiến	Tân	02/02/2004	Huế	31TBN16	7.7	3.0	Không Đạt	
57	28204651737	Trần Thái	Thanh	11/05/2004	Quảng Trị	31SHT5	5.0	5.5	Đạt	
58	28208024671	Hoàng Thị Phước	Thiện	21/01/2004	Quảng Trị	31SBN7	5.0	6.0	Đạt	
59	27211500755	Nguyễn Trường	Thịnh	25/11/2003	Quảng Ngãi	31TBN6	7.7	4.0	Không Đạt	
60	28204104709	Đặng Thị Hiền	Thục	18/08/2004	Quảng Ngãi	31TBN16	8.0	2.5	Không Đạt	
61	28208002336	Nguyễn Thị Hoài	Thương	11/02/2004	Đà Nẵng	31SBN9	7.3	3.5	Không Đạt	
62	28204103574	Nguyễn Thị An	Thuyên	24/09/2003	Quảng Bình	31TBN16	7.7	5.0	Đạt	
63	28212406326	Phạm Đức	Tiến	10/06/2004	Phú Yên	31SBN9	5.3	6.8	Đạt	
64	28219243189	Nguyễn Văn Uy	Tín	20/05/2004	Đà Nẵng	31TBN16	5.3	6.0	Đạt	
65	28214306655	Lê Văn	Tinh	05/04/2004	Đà Nẵng	31SBN9	8.7	9.0	Đạt	
66	28208048257	Nguyễn Đỗ Ngọc	Trân	08/01/2004	Đà Nẵng	31CYC7	6.3	5.0	Đạt	
67	29206543282	Đỗ Hoàng	Trang	02/01/2005	Quảng Nam	31TBN16	8.7	5.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28205053984	Lê Thị Thùy	Trang	28/08/2004	Quảng Trị	31TBN14	9.7	4.3	Không Đạt	
69	29207257542	Nguyễn Quỳnh	Trang	16/01/2005	Quảng Ngãi	31TBN16	7.7	6.8	Đạt	
70	28205151635	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	06/05/2004	Quảng Bình	31SBN7	5.3	5.5	Đạt	
71	27202102851	Trần Thị Thùy	Trang	14/10/2003	Đà Nẵng	31TBN9	8.3	5.3	Đạt	
72	27212203048	Đặng Ngọc Hữu	Trí	10/08/2003	Quảng Ngãi	30SSC2	6.7	6.5	Đạt	
73	27214301446	Hồ Quốc	Trung	18/06/2002	Đắk Lắk	30SHT6	5.3	5.0	Đạt	
74	28212335677	Trần Xuân	Trương	11/12/2004	Hưng Yên	31TBN16	8.0	5.3	Đạt	
75	28211149259	Nguyễn Xuân	Tùng	11/05/2004	Đà Nẵng	31SBN9	8.3	6.0	Đạt	
76	28204649136	Nguyễn Ngọc Tố	Uyên	05/09/2004	Đà Nẵng	31SBN2	5.7	5.0	Đạt	
77	29206765010	Trần Thúy	Uyên	11/03/2005	Quảng Nam	31SBN9	9.0	7.5	Đạt	
78	27203321437	Phạm Thị Thúy	Vân	06/04/2003	Quảng Ngãi	30SHT1	7.7	4.3	Không Đạt	
79	29209445506	Nguyễn Thị Ánh	Vi	08/06/2005	Quảng Nam	31TBN16	10.0	5.0	Đạt	
80	28204622484	Trần Nguyễn Ý	Vy	04/01/2004	Đà Nẵng	31TBN12	7.7	5.0	Đạt	
81	28214331866	Phạm Ngọc Triều	Vỹ	11/02/2004	Đà Nẵng	31SBN9	7.7	7.0	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh